

# MÙA XUÂN CHIẾN TRANH & TÌNH YÊU

Vĩnh Chánh

**Lời giới thiệu:** Tác giả là một y sĩ thuộc hội Ái Hữu Y Khoa Huế Hải Ngoại, hiện là cư dân Mission Viejo, CA. Tốt nghiệp Y Khoa Huế năm 1973, thời chiến tranh, Vĩnh Chánh là Y sĩ trong binh chủng Nhảy Dù cấp tiểu đoàn và gắn bó với đơn vị chiến đấu cho tới giờ phút cuối tại vành đai Sài Gòn ngày 30 tháng Tư. Với bài “Không Bỏ anh em, không bỏ bạn bè” viết Tháng Tư 2013, Bác sĩ Vĩnh Chánh đã nhận giải danh dự Viết về nước Mỹ cùng năm. Trong thư kèm bài mới nhất, Vĩnh Chánh cho biết “Tết Bính Thân không thể quên Tết Mậu Thân 1968 tại Huế.” Trong giai phẩm Tết của Binh chủng Dù QLVNCH tại Hoa Kỳ năm nay có đăng lại bài nói chuyện của Nhã Ca tại đại học UC Berkeley hôm đầu năm, “Tiếng Kêu Tết Mậu Thân.” Từ bài nói chuyện này, tác giả góp phần hồi ký từ chuyện Tết quê hương, tuy không phải chuyện trên đất Mỹ, nhưng vẫn là chuyện trong ký ức của người Việt tại Mỹ.

--người chuyện.



Sáng Mừng Một Tết Nguyên Đán, gia đình bác, các cô chú và gia đình Măng tôi đồng tụ tại nhà ông bà Nội. Một truyền thống của đại gia đình qua bao nhiêu năm, kể từ khi tôi bắt đầu có trí nhớ. Nghe kể lại, ông Nội dậy sớm nhất bước ra khỏi nhà, tự đập đất nhà mình trước khi tất cả con cháu đến chúc Tết. Gia đình nào đến trước sẽ vào thăm bàn hoa quả bánh mứt của Bà Nội ở nhà chính, hoặc đứng ngoài sân chờ đợi, chuyện trò rộn ràng với nhau trong khi những đứa con nít cùng trang lứa tranh nhau chạy chơi trong sân vườn rộng lớn. Khi mọi gia đình có mặt đầy đủ, tất cả đồng kéo qua tập trung trước căn nhà riêng của ông Nội, nằm chéo góc bên cạnh nhà lớn.

Khi ông bà Nội đồng an vị vào 2 chiếc ghế dựa lớn để ngay ở cửa chính được mở rộng, mặt mày rạng rỡ trong áo gấm đỏ, lễ Mừng Tuổi bắt đầu bằng tràng pháo nổ tung bùng từ dây pháo dài treo trên cây. Riêng tôi bắt đầu ngất ngây với tiếng pháo nổ chát tai, xác pháo đỏ văng tung tóe và mùi thuốc súng. Trong không khí trang nghiêm của ngày đầu xuân, Bác của tôi bao giờ cũng là người đầu tiên mở đầu cho buổi lễ, khúm núm đứng trước ông bà Nội xướng to những lời chúc mừng, trước khi cả 2 vợ chồng cùng quỳ trên chiếu vái lạy thân sinh. Tôi vẫn còn nhớ rõ Bác tôi kêu ông bà Nội bằng Thầy Mẹ. Sau Bác là đến phiên các chú các cô, bao gồm luôn cả rể và dâu, trong đó có Măng tôi, cùng tiến đến quỳ lạy Thầy Mẹ. Bấy giờ, ông Nội mới từ tốn ban lời mừng Tân Xuân cho từng người con, cũng theo thứ tự, từ con trai trưởng cho đến cô út.

Sau thế hệ con đến thế hệ cháu với mỗi gia đình theo thứ tự lần lượt bước vào chiếu hoa. Thông thường người con lớn nhất hiện diện tại chỗ đứng giới thiệu tên từng đứa em trong gia đình mình với ông bà Nội trước khi tất cả đều quỳ lạy mừng tuổi ông bà. Ông Nội thường hay hỏi từng đứa cháu về chuyện học hành, gia cảnh nếu đã lập gia

đình, trước khi nói lời chúc đầu năm. Có những năm, tất cả các cháu được cho đứng sát với nhau và đồng quý lạy chúc mừng ông bà Nội một lần, sau khi một cháu lớn nhất đại diện mở đầu lời Mừng Tết ông bà Nội...

Kể thế hệ cháu đến thế hệ chắt, cùng quý lạy chung một lúc trong khi chắt lớn tuổi nhất trong đám nói lời cầu chúc ông bà Cố, với sự nhắc lời, trợ giúp của bậc cha mẹ bên ngoài. Trong những cái Tết trước khi ông Nội tôi mất vào năm 1962, ông bà Nội tôi đã có trên cả chục đĩa chít.

Xong lễ mừng tuổi ông bà Nội, các người con cùng dâu rể bước đến gần trò chuyện thân mật hơn, rót trà rượu đưa mời Thầy Mạ của mình. Đó là lúc tôi thoáng thấy các phong bì đỏ được đưa vào tay ông Nội và cả bà Nội. Sau đó, Bà Nội mới thủng thỉnh mời tất cả mọi người vào nhà lớn thưởng thức các món Tết. Tôi nhìn thấy đủ loại mứt, từ mứt hạt sen, mứt thơm, mứt dừa, mứt gừng, mứt măng cầu, mứt kim quất, mứt khoai, mứt củ sen, đậu phụng ngào, hạt dưa... cho đến các món mặn như nem, chả heo, chả bò, chả thủ, tré, thịt quay, gà nấu đậu, vịt nấu măng khô, cải xanh nấu với giò heo, xôi lạp xưởng & tôm khô, xôi gấc, xôi bánh tét dưa món, bánh tét chiên, củ hành dầm nước mắm, củ kiệu, bánh chưng, bánh su sê, bánh thuẩn, bánh bột nếp, bánh hạt sen và đậu xanh cái tròn cái vuông gói trong giấy kiếng nhiều màu sắc sỡ...

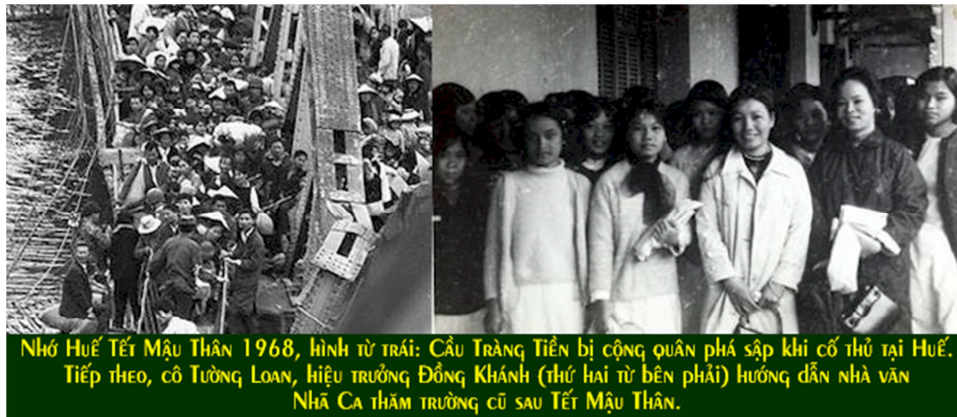
Bao nhiêu món ngon vật lạ dọn bày trên mấy cái bàn khiến tôi nhìn vào thấy no mắt, và no luôn cả bụng vì mãi ham rượt đuổi nhau bên ngoài. Bao nhiêu hương vị ngọt ngào, hiếm quý và cổ truyền của một cái Tết Âm Lịch do chính tay bà Nội làm cùng các người con trong gia đình đem đến từ ngày hôm trước. Khi lớn hơn và ở xa hơn, tôi cũng đã từng đạp xe đạp đem đồ Tết của nhà mình đến biếu ông bà Nội.

Buổi ăn chấm dứt, đại gia đình xúm xít lập sòng chơi đồ tam hường, chơi bài cartê (5 lá bài), bài xì lác, tứ sắc, bài xìp... Tiếng la hét của người hên bạc kẻ thua tiền, tiếng reo hò vui cười, chọc ghẹo hòa cùng với tiếng xoang xoảng của những con súc sắc đỏ trong tô sứ, tiếng pháo nổ nổ ì ùng ngoài sân từ lũ con nít chúng tôi làm không khí Mừng Một Tết thêm hào hứng. Sau phần chúc Tết ông bà Nội, các gia đình lần lượt kéo nhau đến đạp đất từng nhà một, nhà Bác trước rồi đến nhà các cô, chú, lập lại màn chúc Tết nhau, rồi ăn uống, và lì xì cho con nít. Truyền thống này vẫn tiếp nối dù sau này chỉ còn có bà Nội, vẫn trang trọng và ấm cúng dù mức độ nhỏ hơn vì số con cháu thừa dãn với các anh chị con bác và cô chú vì sinh kế, lập gia đình và đi học nơi xa nên khó về.

Đó là những năm tháng thanh bình tại Huế, nơi tôi được nuôi dưỡng, lớn lên và đến trường, trước cuộc Cách Mạng tháng 11 năm 1963. Tiếp theo là những năm của phong trào sinh viên Phật Giáo tranh đấu bạo động, những chính lý chính trị ở trung ương, sự hiện diện của quân đội Mỹ đưa đến những biến động trong quân chúng và dấu hiệu leo

thang dần của chiến cuộc, nhất là vào năm cuối của tôi ở Trung Học và năm đầu tiên ở Đại Học.

Tuy nhiên, do ở thành thị, đa số học sinh sinh viên như chúng tôi vẫn thờ ơ hưởng thụ, vẫn ngây thơ với sách vở, chưa hề có khái niệm chín chắn về cuộc chiến dù có theo dõi tin tức chiến sự, dù nhìn thấy lính tráng xe tăng máy bay, hay có bà con mình ở trong quân đội hoặc thỉnh thoảng nghe tin người quen này tử trận, người bà con họ bị thương... Chúng tôi vẫn nghĩ cuộc chiến xa lạ này không phải của mình và đang xảy ra ở miền quê hay núi rừng xa xôi, hay tại những địa danh hẻo lánh. Cho đến Tết Mậu Thân, 1968.



Đúng vậy. Có ai ngờ quân CS đã mưu mô xé lệnh hưu chiến, đem chiến tranh đến tận các thành phố trong những ngày thiêng liêng đất nước trong Tết Nguyên Đán năm Mậu Thân 1968. Biết bao nhiêu người đã sống lo âu sợ hãi khi nhìn thấy chiến tranh với bom đạn và chết chóc đến ngay tận làng xóm mình, ngay tận nơi nhà mình? Đã nhìn thấy cảnh đổ nát kinh hoàng của thành phố, đã bị kẹt giữa hai lần đạn? Đã chứng kiến sự dã man tàn ác của phe gọi là giải phóng? Có bao nhiêu người là chứng nhân cho sự thảm sát Tết Mậu Thân tại Huế khi người thân trong gia đình, người quen trong khu phố bị giết chết, bị bịt mắt đem đi thủ tiêu, bị tra khảo, đập vào đầu trước khi bị xô xuống khe suối hay bị cột chòm chôn sống với 2 tay bó chặt đằng sau lưng bằng giây điện thoại? Ở đâu ra những hố chôn tập thể tại trường Gia Hội, Gò Cát, Bãi Dâu, Tây Lộc, Phú Thứ, Đá Mài...? Và biết bao ngàn người đã ai oán khóc trong căm hờn và đã chít khăn tang?

Biến cố Tết Mậu Thân 1968 xảy ra khi tôi đang học giữa năm Thứ Nhất Trường Y Khoa Huế. Vào đêm 30, gia đình 3 người Mãng tôi, chị tôi và tôi đang ở trong căn phòng lớn trên lầu 3 của trường Đồng Khánh, có cửa sổ lớn phía sau nhìn về Lao Thừa Phủ ở sau lưng Tòa Hành Chánh Tỉnh. Đêm ấy, chúng tôi thức khuya chuẩn bị các món Tết cho ngày Mừng Một. Vào giao thừa, tiếng nổ xa xa của pháo Tết nghe hơi khác thường và càng lúc càng dồn dập chen với những tiếng nổ lớn hơn. Vài giờ sau, tôi nghe tiếng chân người chạy thình thịch trên thang gỗ bên ngoài phòng, rồi hàng loạt

tiếng súng nổ chan chát, cùng với tiếng súng bắn trả từ Lao Thừa Phủ trúng vào tường và cửa sổ căn phòng chúng tôi khiến tiếng dội nghe ghê rợn và mảnh gỗ văng tung tóe. Chúng tôi nằm yên trên sàn nhà, dưới bộ ván dày, tránh gây tiếng động, đọc kinh cầu nguyện.

Qua ngày hôm sau, khi tiếng súng lắng dịu, tôi rón rén bò đến cửa sổ phía trước, nhìn xuống sân trường Đồng Khánh. Cả trăm lính VC, với nón cối và quân phục màu xanh lục, đang đóng quân, đào hầm, đặt súng lớn trên bãi cỏ, hay dưới các gốc cây phượng. Biết không thể làm gì hơn, gia đình tôi đành mở cửa đi xuống lầu, mang theo chút áo quần và thức ăn Tết như bánh tét, và đến tạm trú trong phòng học cùng với những gia đình quen thuộc khác trong trường và sau đó những gia đình dân từ Bến Ngự hoặc Ga chạy đến.

Tôi nhận thấy đơn vị CS đóng ngay đây có lẽ chính quy, với đa số lính nói giọng Quảng Bình. Nhiều toán lính đi đi về về, cáng theo hàng loạt đồng đội tử thương và bị thương. Có lẽ trường ĐK nằm giữa mặt trận, nên tiếng súng nhỏ lớn nghe liên tục, khi từ hướng bờ sông Hương, khi từ hướng đường Lê Lợi của Tòa Hành Chánh Tỉnh. Các khẩu súng phòng không thường xuyên bắn nổ rền trời nhắm vào những chiếc trực thăng bay trên cao. Mức độ trận chiến có vẻ dữ dội trong suốt gần cả mười ngày. Cho đến sau một đêm bỗng dung hoàn toàn yên tĩnh, sáng hôm sau khuôn viên trường ĐK hoàn toàn vắng lặng, không một hình bóng của người lính CS, họ đã lặng lẽ rút đi trong đêm. Đến trưa toán lính TQLC Mỹ tiến dần về phía chúng tôi, giải tỏa hoàn toàn trường ĐK và hướng dẫn tất cả mọi người di tản về hướng an toàn.

Liên sau đó, nhóm chúng tôi gồm chừng bốn năm chục người im lặng dắt nhau bước đi thật vội trên đường Lê Lợi hướng về trường Kiểu Mẫu, dưới bầu trời xám xịt có mưa phùn. Cũng con đường hàng ngày tôi thường qua lại bao nhiêu lần nay trông thật điêu tàn và xa lạ, im lặng một cách rùng rợn và phảng phất mùi tử khí. Bên kia sông Hương và cột cờ, khung cảnh vẫn mờ đại trong mây mù. Chiến tranh đang thực sự ở trước mắt và xung quanh tôi, với hiện trường y như trong cảnh phim. Lá cây và cành cây gãy tràn ngập lối đi. Đây đó những cột đèn và thân cây nằm nghiêng ngửa, như muốn che đậy những xác chết, quân có dân có, ta có địch có. Có những xác nằm ngay trên mặt đường, bên lề đường. Có những xác nằm sấp hay cong queo trong các hầm cá nhân dưới các gốc cây, nhất là ở gần phía bờ sông. Rải rác đây đó là xác xe Jeep, xe cứu thương dân sự và các xe honda, lỗ chỗ vết đạn với xác người bên cạnh. Nhiều biệt thự to lớn trên con đường bị đổ nát, hư hại nặng. Khi đến gần khu Morin, tôi lặng người nhìn thấy cầu Trường Tiền bị gãy một nhịp.

Và tôi thấy chiếc cầu gãy nhịp  
Trong đạn bom khói lửa chiến trường  
Dòng sông yêu dòng sông máu đỏ  
Áo em màu trắng áo tang thương\*



Sau vài ngày tạm trú ở trường Kiều Mẫu, khi biết tin gia đình người tôi yêu đang lánh nạn tại Dòng Chúa Cứu Thế, tôi tức tốc tìm đến thăm dù đường đi còn vắng hoe, nguy hiểm với dấu tích tàn phá và chét chóc hai bên đường... chỉ để kịp nhìn gặp nàng vài ba phút, thăm hỏi đôi ba câu trước khi nàng vội vã quay vào với gia đình. Hình ảnh xanh gầy của nàng với đầu tóc ngắn thân thuộc trong một buổi sáng đầy gió lạnh và mây xám trên trời mãi mãi ám ảnh tôi từ dạo đó.

Nàng là một cô bé nhỏ nhắn mặc áo đầm vàng đi dạo cùng Mẹ và các em trong công viên trước trường Đồng Khánh tôi đã tình cờ nhìn thấy trong một chiều óng ánh đầy nắng vàng vào cuối hè 1967. Vài ngày sau tại nhà tôi, tim tôi đập lồi nhịp khi bất ngờ gặp chính cô bé đó đem bánh của Mẹ làm đến biếu “Bà Vú”, tiếng nàng gọi Mãng tôi, vì Mãng tôi là Vú Đỡ Đầu cho Mẹ nàng khi Ba Mẹ nàng làm đám cưới. Đây cũng là nhân vật trong bức ảnh gia đình, một món quà tặng của Mẹ nàng cho Mãng tôi từ bao năm trước, được treo trên tường, gần bàn học của tôi. Mỗi khi nhìn đến, tôi thường liên tưởng rằng có ngày tôi sẽ có được nàng, như một ước mơ thầm kín, một nguyện cầu vu vơ. Dù bấy giờ nàng chỉ là một cô bé tuổi 13, đang học lớp Đệ Ngũ trường Đồng Khánh.

Do sự quen biết giữa hai gia đình, thỉnh thoảng tôi đến thăm nàng tại nhà, làm quen với gia đình và chơi đùa với các em nàng, ngoài sân trước, trong phòng khách, hay dưới nhà bếp. Nhờ đó tôi có dịp nhìn thấy nét đoan trang và sự chu đáo của nàng khi phụ giúp Mẹ săn sóc các em. Có lần, ngồi dựa lưng trên thành cửa sổ nhỏ phòng nàng, tôi hát bài “Mưa Hồng” vì tôi thích câu “cuộc đời đó có bao lâu mà hững hờ”, do xúc động giọng của tôi xuống thấp không hát tiếp được, nàng im lặng không dám cười, nhưng tôi liều mạng xin hát lại lần thứ hai.

Khi một phần nhỏ của Hữu Ngạn Hué vừa được giải tỏa, và Bệnh Viện Hué vẫn còn bỏ trống, cùng với vài đàn anh trong Y Khoa, chúng tôi tình nguyện phụ giúp ngày đêm một Bác sĩ giải phẫu người Mỹ từ Đà Nẵng được trực thăng chở thẳng đến Bệnh Viện. Đó là thời gian tôi đã nhìn thấy, tiếp thu học hỏi nhiều nhất khi trực tiếp làm việc dưới sự điều động của Y sĩ Thiếu Tá Thomas Herod cùng với các đàn anh. Từ cách nhận bệnh nhân cả quân sự lẫn dân sự với các vết thương chiến tranh, săn sóc họ, chuyển nước biển trước khi khiêng họ vào phòng mổ, đưa lên bàn mổ rồi khiêng về giường bệnh sau mỗi ca giải phẫu hoàn tất, giúp rửa sạch các vết thương trước khi băng bó, theo dõi tình trạng hậu giải phẫu, lau chùi phòng mổ, lau chùi và hấp dọn các dụng cụ giải phẫu, phụ đưa dụng cụ trong phòng mổ...

Toán 7-8 người chúng tôi ngủ ngay sát bên phòng giải phẫu, kể luôn cả một chị y tá chuyên đánh thuốc mê, tự nguyện làm tất cả những công việc cần thiết, từ y công cho đến y tá, cùng chia nhau tâm trạng vui buồn theo diễn tiến tốt hay xấu của các bệnh nhân và chia nhau phần lương khô C Ration.

Băng đi cũng vài ba tuần hăng say phụ giúp trong bệnh viện, tôi không đến nhà cô bé dù lòng luôn hướng về nàng. Mãi cho đến khi tình hình an ninh Huế tốt dần, bấy giờ tôi mới đến thăm nàng được vài lần, kể vội cho nàng nghe một vài câu chuyện trong phòng mổ, những điều tôi học hỏi được hay một vài cảnh khổ của người dân bị thương tật. Bao giờ nàng cũng chỉ im lặng ngồi nghe, hiếm khi có thêm ý kiến trong câu chuyện.

Vào cuối mùa Xuân 68, đến ngày kê cận phải rời Huế vào Sài Gòn học tiếp nửa năm còn lại, tôi lấy hết can đảm viết cho nàng một lá thư không viết nháp, không soạn thảo, không nắn nót, không trau chuốt, nghĩ sao viết vậy. Đó là lá thư tình đầu đời và duy nhất của tôi. Ngang tàng, mang tính hài hước nhưng rất chân thật, không có giọng chiều lụy, van xin tình cảm.

Dĩ nhiên thư tôi không được hồi âm.

Trong suốt mùa hè năm 1968, sau khi từ Sài Gòn trở về Huế để tham dự chương trình Huấn Luyện Quân Sự Học Đường, tôi tiếp tục đến thăm và đưa nàng những đoạn văn, không phải thư tình, mà những bài viết của tôi bày tỏ quan điểm yêu thương đất nước, mang tính chất hào hùng của người trai, hoặc những bản dịch ra tiếng Việt từ những bài hay trong cuốn Les Grand Coeurs mà hầu như tôi nằm lòng khi học trung học chương trình Pháp. Tuy về sau tôi biết có bản dịch tiếng Việt là Những Tâm Hồn Cao Thượng, tôi vẫn không nghĩ mình đã phí công khi những bản dịch thuật của mình gián tiếp chứng minh tính cương trực và lòng chân thành của tôi. Nhưng ở nàng vẫn là một im lặng... đáng sợ!

Sau hè 1968, tôi lại rời Huế vào Sài Gòn học tiếp năm thứ Hai Y Khoa. Vài ngày trước Tết năm 1969, từ Sài Gòn về Huế thăm nhà, Mãng tôi cho biết gia đình nàng sẽ rời Huế trong vài ngày sau Tết vì Ba nàng nhận nhiệm sở mới ở Nha Trang. Tôi suy nghĩ và quyết định không đến thăm, nói lời tạm biệt với nàng, dù ngậm ngùi cảm giác cuộc tình đang xa dần. Tôi quyết định chờ đợi, cho mình chín chắn hơn. Cho một thời cơ thuận tiện tốt đẹp. Hay để cho nàng lớn thêm hơn vài tuổi!

Những năm sau biến cố Mậu Thân, chiến tranh leo thang dần. Biết bao đồng môn, người thân quen nhận giấy tờ trình diện nhập ngũ. Lớp học vắng dần những khuôn mặt quen thuộc sau mỗi [kỳ] tựu trường. Truyền hình, tin tức, báo chí nhắc đến những trận chiến càng ngày càng khốc liệt, tên của những trận đánh như Ben-Hét, Khe Sanh, Dak-Tô, Pleime, Đức Cơ, Đồng Xoài... dần dần đi vào lòng dân. Chị thứ ba của tôi bỏ học dù đang là sinh viên năm cuối của phân khoa CTKD của ĐH Đà Lạt, và quyết định lấy chồng là Tiểu Đoàn Trưởng TĐ11 BĐQ khi tiểu đoàn đến giải tỏa thị xã Đà Lạt trong vụ CS tấn công vào Tết Mậu Thân. Lần chị đem người yêu về trình diện gia đình, tôi thích anh liền. Không những vì anh cao ráo và điển trai mà anh trông rất điềm đạm và

thật hào hùng trong bộ đồ rằn ri. Có lẽ cũng từ đó tôi có suy nghĩ nếu muốn lấy cảm tình một người đẹp, chắc tôi phải tạo cho mình một hình ảnh sắt đá oai hùng của một chàng trai đúng nghĩa của thời chiến. Đúng với hình ảnh “Em là gái trong khung cửa, Anh là mây bốn phương trời...”

Do sự đổ nát điêu tàn của thành phố Huế trong Tết Mậu Thân, Chính Phủ trung ương thành lập ủy ban trùng tu và tái thiết Huế để xây dựng lại các cơ sở bị tàn phá cũng như để tạo thêm niềm tin cho dân Huế nói riêng và toàn dân trong nước nói chung. Linh Mục Cao Văn Luận, trước đây là Viện Trưởng viện Đại Học Huế, nhận lãnh trách nhiệm khó khăn đó.

Khoảng gần cuối tháng 2 của mùa Xuân 1970, nhà văn Nhã Ca cùng một phái đoàn văn nghệ sĩ từ Sài Gòn ra thăm Huế, cùng đi với Linh Mục Cao Văn Luận ghé đến trường Đồng Khánh trong một ngày mưa và lạnh, tặng hai trăm ngàn đồng cho trường xây dựng lại phòng thí nghiệm hóa học và vụn vật bị hư hại nặng. Hồi đó tôi vẫn ở trong trường với Mãng tôi nên đã chứng kiến nhiều cảnh cảm động.

Trong buổi lễ nhận khoản hiến tặng từ nhà văn Nhã Ca cho trường Đồng Khánh, cô Hiệu trưởng Tường Loan đã trân trọng giới thiệu Linh Mục Cao Văn Luận từng là giáo sư Quốc Học, Đồng Khánh và là vị thầy cũ của chính cô cũng như các thầy cô khác. Phát biểu của Linh Mục Luận trước thầy trò Đồng Khánh hôm ấy được mở đầu bằng câu nói vui, “Hôm nay ông nội trở lại trường thăm các con, các cháu...”

Trong phái đoàn thăm trường Đồng Khánh hôm ấy còn có nhà văn Doãn Quốc Sỹ và nhạc sĩ Cung Tiến là hai người rất được dân Đồng Khánh ngưỡng mộ. Cho tới nay, tôi vẫn nhớ hình ảnh ngày ấy, khi chị Nhã Ca khoác tay người em gái là học sinh tại trường đi dưới mưa với Cô Hiệu Trưởng Tường Loan và cô phụ tá giữa rừng vối tay cảm ơn ngập trời của các học sinh toàn trường.

Qua ngày hôm sau, Nhã Ca đến trường Y Khoa Huế của tôi, cũng trao tặng hai trăm ngàn đồng trong một buổi lễ đơn sơ nhưng trang trọng gồm có sự hiện diện của GS Viện Trưởng Viện ĐH Huế, GS Khoa Trưởng Trường Y Khoa, ban Giáo Sư, ông Tỉnh Trưởng và một số thân hào nhân sĩ cùng đại diện Sinh Viên. Trong cùng năm, giải Nhã Ca với năm mươi ngàn đồng được trao tặng lần đầu tiên cho BS Hà Thúc Như Hỷ khi trình luận án Tiến sĩ Y Khoa về một đề tài Y Học Dân Tộc. Qua năm sau, người nhận giải là BS Trần Nhơn. Cả hai hiện đang hành nghề tại Quận Cam. Giải Nhã Ca cho Luận Án Tiến sĩ xuất sắc hàng năm của Y Khoa Huế còn được tiếp tục cho tới ngày miền Nam sụp đổ. Người liên lạc, điều hợp giải thưởng hàng năm này là Giáo sư Nguyễn Thanh Trang, phụ tá Giáo sư Viện trưởng Lê Thanh Minh Châu hiện định cư tại San Diego.

Cũng từ những ngày đầu xuân năm ấy, khi nhắc đến biển có Mậu Thân 68 hầu như ai cũng biết “Giải Khăn Sô Cho Huế”, hồi ký của một nhân chứng cho thành phố thân yêu những ngày tang thương nhất, khi hàng ngàn người dân Huế vô tội bị thảm sát. Riêng với y khoa Huế, việc những cựu sinh viên trốn vào rừng nay trở về trường cũ, gây ra vụ thảm sát 4 vị Giáo sư Y Khoa người Đức ngay trong sân chùa Tường Vân là một vết chàm ô nhục không bao giờ phai mờ.

Tôi và nàng vẫn kẻ ở Huế, người Nha Trang. Không một thư từ, không một trao đổi tin tức. Tôi vẫn tiếp tục lên lớp cao dần ở trường YK và gián tiếp theo dõi tin tức nàng đang ở những năm cuối trung học. Sau gần 3 năm xa cách nàng, tôi tự hỏi mình nhiều lần đây có phải là tình yêu? Người ta thường nói cách mặt xa lòng! Dù là tình yêu một chiều, tình tôi không nhận thêm nuôi dưỡng nào ngoại trừ những nhung nhớ, những kỷ niệm và những hoài bão? Trong tôi, càng muốn quên thì lại càng quay quác nhớ. Càng muốn chôn vùi kỷ niệm hiếm quý bên nàng thì hình bóng nàng càng khắc ghi sâu đậm. Càng xa vắng nàng lại càng nhận hiểu trái tim tôi chỉ biết nhung nhớ một mình nàng. Thế mới biết “kỷ niệm vẫn còn là lòng vẫn còn yêu”! Thế mới biết “yêu là mộng mơ, yêu là sầu nhớ”!

Không lẽ chỉ có một thời để thương, để nhớ để yêu rồi mãi mãi xa nhau, mất nhau sao? Dù không một tin tức trực tiếp của nàng, tôi vẫn quyết định đến thăm nàng vào mùa Xuân 1972 khi nàng đang theo học năm thứ Nhất khoa CTKD ở Đại Học Đà Lạt.

Này tư tưởng có linh chãng tá  
Trở về đây cho thỏa lòng chờ  
Trở về cảnh cũ lối xưa  
Cho cung cầm khởi ngẩn ngơ tiếng đàn

Tôi đến Đà Lạt với tư cách một cộng sự viên của Sinh Viên Vụ quay phim chụp hình cho phái đoàn SV Viện Đại Học Huế tham dự Đại Hội Thể Thao Liên Viện do ĐH Đà Lạt đứng ra tổ chức. Đến nơi, tôi trao hết đồ nghề cho một bạn khác, và trong suốt 3 ngày liên tục của Đại Hội, tôi không làm gì hơn ngoài việc tìm thăm nàng, người tôi yêu và đeo đuổi trong nhiều năm qua, từ Huế vào đến Nha Trang và nay Đà Lạt. Sáng tôi đón nàng ở Kiêm Ái, chiều đến tôi trả nàng về lại cư xá. Nàng và tôi đã đi bộ qua bao con đường quanh thị xã, cùng ngồi chuyện trò ở sân Cù trong nắng ban mai, ngắm Hồ Xuân Hương, dạo phố Hòa Bình, đưa nhau đi ăn sáng, ăn trưa, ăn tối... Với tôi, đó là 3 ngày hạnh phúc nhất trong quãng đời, dù ngắn ngủi, nhưng đã ghi sâu trong tim tôi những kỷ niệm đậm đà không hề phai. Ba ngày le lối bên nàng, để bù lại, thêm một lần nữa, trên 3 năm “bonjour tristesse” khi ở nơi xa, tôi chỉ cầu mong nàng trong những “đêm mai cô đơn đi về, xin người hãy nhớ tình tôi.” (2)

Vào các mùa Xuân năm 1971, 1972, chiến tranh sôi động với các chiến dịch Toàn Thắng 42 đánh qua Mỏ Vẹt, Lưỡi Câu, đến sát hang ổ của Cục R ở Cao Miên, với cái



chết của Tr. Tướng Đỗ Cao Trí, vị tướng quân mà trên ngôi mộ có mang hàng chữ “sống giữa ba quân, chết giữa ba quân”; chiến dịch Lam Sơn 719 hành quân vào Hạ Lào, với những tên quen thuộc như Đông Hà, Khe Sanh, xa lạ như Đường số 9, Bản Đông, Tchepone, Đồi 31, Đồi 30 với bản nhạc bất hủ “Anh Không Chết Đâu Anh”; Không Quân Mỹ sử dụng thường xuyên B52 bên cạnh kế hoạch từ từ rút quân và Việt Nam hóa chiến tranh.

Giữa mùa Xuân 1972, CS vượt vĩ tuyến và tấn công vào Đông Hà và Quảng Trị, đồng thời mở rộng chiến tranh ở Bắc Tây Nguyên và Miền Đông Nam của vùng III bao gồm Lộc Ninh, Bình Long, với trận chiến “Bình Long Anh Dũng, An Lộc Kiều Hùng”; trận thư hùng của BĐQ ở đồi Chu Pao để lại nhân gian câu thơ khí khái “Chu Pao ai oán hồn trong gió - một chiếc khăn tang một tác đường”, trận tử chiến Đồi Charlie của TĐ11ND với bản nhạc hào hùng ghi ơn “Người ở lại Charlie”, và sau đó Tân Cảnh, sân bay Phượng Hoàng, Ben-Hét và...

Hai tuần trước khi Quảng Trị rơi vào tay giặc thù vào cuối mùa Xuân 1972, một số anh em của trường YK Huế gồm có tôi trong đó tình nguyện ra phụ giúp cho BV Quảng Trị trong 10 ngày. Thêm một lần nữa tôi đã xúc động khi thấy được sự tàn khốc của chiến tranh gây ra bởi quân xâm lược CS qua những vết thương, lỗ đạn trên cơ thể của các bệnh nhân. Đó là chưa kể về sau là những hình ảnh khủng khiếp và câu chuyện đau lòng của hàng ngàn người vừa dân vừa quân bị phơi thây vì pháo và phục kích không thương tiếc trên “Đại Lộ Kinh Hoàng” khi trốn chạy về hướng Nam. Rồi đến phiên người dân Huế, trong đó có cả Mãng tôi vừa kịp đến tuổi về hưu, quá sợ vì đã chứng kiến việc giết người, chôn người không góm tay của bọn VC trong Mậu Thân, tức thời bỏ Huế ra đi không chần chừ.

Ngồi trên lầu của Câu Lạc Bộ Thể Thao, mấy anh em chúng tôi trong nhóm SV YK tình nguyện ở lại phục vụ BV Huế, nhìn cảnh người bồng bế chen lấn, xe cộ nối đuôi nhau đông như kiến trên cả 2 cầu Trường Tiền và Hương Giang trong suốt một ngày trời mà lòng quặn đau, xót xa cho dân nước mình chịu cảnh chinh chiến trong bao năm qua. Những ngày sau đó, tôi thật xốn xang khi nhìn thấy thị xã Huế và lân cận hầu như bỏ phế, ngoài đường chỉ vài bóng người thất thân bước vội. Thành phố bỏ trống im lặng đến sợ, ngoại trừ tiếng xe quân đội thỉnh thoảng chạy nhanh hoặc tiếng gầm gừ từ những con chó hoang giành ăn chạy trên đường phố không người, tiếng tru ma quái của chúng về đêm và những tiếng nổ đay đót của hỏa tiễn 122ly do CS pháo bừa bãi vào thành phố.

Vào khoảng cuối tháng 5, 1972, Quân Đội VNCH bắt đầu đổ quân về Huế chuẩn bị cho việc tái chiếm Quảng Trị với trận chiến rất dữ dội và đẫm máu kéo dài gần 3 tháng với sự tham dự của nhiều đơn vị thiện chiến bao gồm toàn bộ 2 Sư Đoàn ND & TQLC, LĐ81 Biệt Kích Dù, các liên đoàn BĐQ, Kỵ Binh Thiết Giáp, Pháo Binh, Không Quân... cho đến ngày 16 tháng 9, 1972, lá cờ vàng ba sọc đỏ chính thức phát phới trên

nền trời tự do tại Cổ Thành Quảng Trị trong tiếng vang dậy của cả nước qua các bản hùng ca “Cờ Bay, Cờ Bay Trên Cổ Thành Quảng Trị” và “Trên Đầu Súng Ta Đi”. Cũng vào thời điểm, không quân Mỹ bắt đầu gia tăng đánh phá Miền Bắc, nhất là vào cuối năm với B52 trải thảm bom ngay tại Hà Nội, như một áp lực lên đàm phán hòa bình đang diễn ra ở Paris.

Chiến tranh Việt Nam bước qua một giai đoạn khác sau khi Hiệp Định Paris được ký kết vào tháng Giêng 1973, nối tiếp là những đơn vị quân đội Mỹ lần lượt rời VN, và những trao trả tù binh. Tôi có mặt trong phái đoàn sinh viên tham dự lần trao trả tù binh Việt Nam tại sông Thạch Hãn vào giữa mùa Xuân 1973. Nhìn thấy trên cả ngàn tù binh Bắc Việt được nuôi ăn nuôi mặc tươm tất sạch sẽ với xách tay mới trên tay, chỉ để đôi lầy có vài trăm quân nhân của ta xơ xác, ốm yếu... mới hãnh diện nhìn thấy lòng nhân đạo và tinh thần đánh giặc cao thượng của VNCH, ngay cả trong cách cư xử với tù nhân chính trị hay tù binh chiến tranh. Một sự thật mỉa mai sau này tôi mới càng thấm thía khi ở trong trại tù cải tạo CS.

Tương như cuộc chiến sẽ tốt đẹp hơn sau Hiệp Định Paris. Không ngờ chỉ sau vài tháng tạm yên tĩnh, CS leo thang dấy lại cuộc binh đao, quyết tâm dồn mọi sức lực tấn công Miền Nam trong tư thế thượng phong với toàn bộ chủ lực quân vẫn nằm ế tại Miền Nam, chiếm đất giành dân, lợi dụng thể chế tự do dân chủ của Miền nam để xúi dục các thành phần thứ Ba biểu tình, các nhóm dân biểu đối lập liên tục gây áp lực đã phá chính quyền, các linh mục “tiền bộ” như Chân Tín, Nguyễn Ngọc Lan, Trương Bá Cần, Phan Khắc Từ... công khai gián tiếp nổi giáo cho giặc. Chiến cuộc dần xoay chiều và có vẻ bất lợi cho phía ta.

Chính trong bối cảnh điên đảo này, tôi tốt nghiệp YK tháng 6, 1973, sau 7 năm miệt mài với sách vở, luôn mang trong lòng một bầu nhiệt huyết với đất nước, sẵn sàng lên đường làm nhiệm vụ bất cứ nơi đâu, bất cứ trong vị trí nào khi đất nước kêu gọi. Song song với giấc mơ dài của trai thời loạn, tôi vẫn giữ kín cho mình niềm mơ ước có ngày tôi sẽ trùng phùng với người tôi vẫn mãi yêu thương và nhung nhớ, dù cho nàng ở xa ngoài tầm với, như một thôi thúc diệu kỳ và mãnh liệt không dứt trong tâm tưởng.

Sau 6 tháng làm việc tại trường YK trong bộ môn giải phẫu, tôi nhận giấy tờ nhập ngũ vào cuối năm 1973 và trình diện vào đầu năm 1974 tại Trung Tâm 3 Tuyển Mộ Nhập Ngũ ở Sài Gòn, nằm ngay đường Tô Hiến Thành, gần Cư xá Sĩ Quan Chí Hòa nơi Mãng tôi dọn đi từ trường ĐK Huế vào trong thời điểm của Mùa Hè Đỏ Lửa 1972. Vì lứa chúng tôi đã có học qua chương trình Quân Sự Học Đường trong 2 mùa hè liên tiếp của 1968/69, nên sau khi nhập ngũ, nhận số quân và trang bị tôi thiêu, chúng tôi tự gán lon Trung úy lên 2 cầu vai và đi thẳng về ghi danh ở Trường Quân Y, theo học khóa 16 QY Trung Tập gồm hơn 160 học viên.

Sau vài tuần học tại đây, chúng tôi được tin Hải Quân VNCH vừa đánh một trận hải chiến với Trung Cộng tại quần đảo Hoàng Sa vào ngày 19, tháng Giêng 1974. Thêm một lần nữa, tình yêu nước trong chúng tôi có dịp dâng cao hơn. Ngày tốt nghiệp khóa 16 Trung Tập, vì có chủ ý trước, tôi chọn Quân Y Nhảy Dù không một do dự, liền ngay sau người bạn thân Bùi Cao Đăng. Tất cả chúng tôi gồm 9 người trong đó có 7 BS là Bùi Cao Đăng, Lê Quang Tiến, Nguyễn Văn Thắng, Nguyễn Thành Liêm, Nguyễn Đức Vượng, Nguyễn Tấn Cương và tôi, NS Tùng và DS Khánh, đồng trình diện TĐQYND và theo học khóa Dù cùng lúc với nhau.

Gần 2 tháng tập luyện, rèn dũa thể xác, thách thức sức chịu đựng và vượt qua sự sợ hãi tại Trung Tâm Huấn Luyện Nhảy Dù với 7 sauts, kể cả 1 saut nhảy đêm và 1 saut nhảy trận với đầy đủ quân trang súng ống đạn dược, cuối cùng tôi được trao nhận Bằng Dù. Cầm Bằng Dù trong tay, tôi thật sự xúc động và hãnh diện, biết mình đã qua được một giai đoạn quan trọng của đời lính chiến trong rèn luyện thể xác vững mạnh, trong chuẩn bị và xây dựng bước đầu của tinh thần Nhảy Dù Cố Gắng trước mọi hoàn cảnh thách đố cũng như tạo cho mình niềm tự tin, sự tự hào bắt buộc có của một người lính Nhảy Dù làm nghề Bác sĩ. Hay đúng hơn, của một Thiên Thần Mũ Đỏ.

Chưa kịp ăn mừng với nhau về Bằng Dù gắn trên ngực ngày hôm trước thì ngay ngày hôm sau, nhóm chúng tôi được điều động ra Đà Nẵng trình diện Tướng Lê Quang Lương, Tư Lệnh SĐ Dù và Thiếu tá Trần Đức Tường, TĐT/TĐQYND tại Bộ Chỉ Huy Tiền Phương ở căn cứ Non Nước. Vào đầu tháng 7, 1974, tôi chính thức trở thành một y sĩ tiền tuyến khi nhận lãnh trách nhiệm làm Y Sĩ Trưởng cho TĐ1ND. Như con chim nhỏ được mẹ dắt dìu chập chững tập những đập cánh đầu tiên, tôi được TĐ1ND thân ái ôm chàng, che chở và giúp tôi mở rộng đôi cánh Thiên Thần bay vút vào bầu trời đầy lửa đạn, để từ đó dần thân vào chinh chiến cùng với đơn vị lừng danh hàng đầu này trong suốt trận đánh Thường Đức & Đại Lộc và Đồi 1062.

Trên bước đường chinh chiến với TĐ1ND, tôi quen dần với những di hành trong im lặng tuyệt đối quanh co trên các sườn đồi hay trong rừng rậm, quen dần với những dừng quân ngắn, những đóng quân nhanh gọn nhưng an toàn qua đêm, những vui đùa với binh sĩ. Tôi cũng quen dần với mức độ trận chiến càng lúc càng dữ dội, với những trận pháo 130ly và hỏa tiễn 122ly mỗi ngày 3 cử, với những cơn mưa rừng suốt tuần, những ly cà phê pha với đá, những điều thuốc chia nhau hút chung và đi ngủ lạnh run với giày saut dưới chân và áo quần trận ướt trong tư thế sẵn sàng tác chiến bất cứ lúc nào. Và quen dần với những tiếng rè rè suốt đêm của máy vô tuyến, những tiếng lóng truyên tin. Hoặc phân biệt được hướng của ta và địch, định hướng pháo ta pháo địch, hơi thở của trực thăng tản thương trong rừng rậm...

Bên cạnh học hỏi thực tế quân sự, tâm hồn tôi chùng lại khi nhìn ngắm những triền đồi tràn ngập bởi màu tím hoa sim, những ghènh suối đẹp, những chùm hoa phong lan

màu sắc rực rỡ nở rộ trên cành cao, tận hưởng cái đẹp thiên nhiên của rừng già nguyên thủy, của đất nước sơn hà...

Đã bao lần tôi đau đớn bó tay trước những vết thương quá nặng của thương binh, hay âm thầm nhỏ lệ trước những xác chết của cả quan lẫn quân gói chặt trong poncho nằm hai hàng bên bãi đắp chờ được bốc đi (3). Phải có một cái gì linh thiêng, một niềm tin bất khuất, một tình đồng đội cùng sống cùng chết, cùng tiến cùng lùi với nhau, một tinh thần anh dũng của Nhảy Dù Cố Gắng, mới khiến các chiến sĩ ND coi nhẹ thân mình, đội pháo trên đầu liên tục xung phong hay tạm lùi trước áp lực địch để sau đó phản công như vũ bão đánh chiếm các công sự địch ẩn núp trên các ngọn đồi, lúc đầu thấp rồi cao dần. Những ngọn đồi không tên. Những ngọn đồi với con số cao độ vô cảm. Đơn giản thế đó nhưng là nơi bao thân người nằm xuống! Bao máu chảy thịt rơi!

Tôi rời Tiểu Đoàn 1 Dù vào Sài Gòn trước Tết 1975, lãnh nhiệm vụ mới làm Y sĩ Trưởng TĐ15ND Tân Lập. Như định mệnh được an bài, tôi vui mừng biết gia đình nàng nay cũng ở Sài Gòn. Đúng vào chiều Mừng Một Tết, hiên ngang trong bộ hoa dù mũ đỏ, và chững chạc trong phong cách, hạnh phúc dòn dập đến với tôi khi tôi tìm đến thăm nàng tại nhà, sau trên 3 năm xa cách. Mỗi tình tôi từ từ chuyển hướng thuận lợi theo thời gian. Dưới mắt nàng, tôi không còn là một bạch diện thư sinh mà một con người dày dạn phong sương, tự tin và lạc quan. Trong suốt cả tháng 2, hầu như chiều nào tôi cũng nhảy lên xe ôm đến thẳng nhà nàng tiếp tục chinh phục nàng, trao nàng những lá thư tình đậm đà thương nhớ viết từ trong trại hay từ chỗ hành quân, hoặc trở tài miệng lưỡi chiêm cảm tình của gia đình họ hàng nàng, đưa em nàng đi nhỏ rãng tại phòng Nha Khoa của TĐQYND, đưa nhau đi ăn hàng quà, kể cả “đi dạo phố mùa xuân” hoặc cùng nhau về thăm bên ngoại nàng ở Thủ Đức...



Mùa Xuân 1975 là một mùa Xuân tràn ngập yêu đương của tôi trong niềm vui riêng. Nhưng là một mùa Xuân thảm họa cho đất nước đang từ từ tan vỡ với những di tản



chiến thuật, những bỏ ngõ bỏ của chạy lấy thân. Những câu chuyện bi hùng của quân và dân từ Cao Nguyên, từ Miền Trung Huế, Đà Nẵng đến dân Nha Trang, Phan Rang, Xuân Lộc... Những trận đánh đẫm máu bất cân xứng trong những giờ thứ 25.

Theo thời gian, tình hình chính trị xấu dần, tình hình quân sự càng bi đát hơn. Dân chúng ùn ùn kéo nhau đổ về Sài Gòn. Người quyền thế và giàu có bắt đầu di tản ra khỏi nước. Tôi đi vào trận cuối đời lính của mình thanh thản và hạnh phúc trong sự tuyệt mỹ của tình yêu. Không một níu kéo vị kỷ, không một đắn đo do dự. Hoàn toàn phó mặc trong tay Chúa. Những căng thẳng của tuần cuối. Những bồn chồn mất ngủ của những ngày và đêm 27, 28 và 29 tháng 4. Dù vậy tinh thần chiến đấu của TĐ15ND vẫn bất diệt. Cá nhân tôi vẫn bình tĩnh làm phận sự của mình và vẫn theo sát chân TĐ15ND, vẫn chiến đấu tại cầu Bình Triệu, khu nhà thờ Fatima. Cho đến ngày cuối cùng: 30 tháng 4. Giờ cuối cùng: sau khi được lệnh buông súng. Nghẹn ngào trong súng sờ. Bàng hoàng trong đau đớn. Xót xa trong tủi nhục!

Chiều cùng ngày, tôi về đến nhà nàng trước khi về nhà Mãng tôi. Như muốn tìm một nơi an ủi duy nhất để bám víu. Với quyết định không để lạc mất nhau trong những năm tháng đen tối sắp đến, nàng can đảm nhận lấy tôi, dang rộng tay ôm choàng tôi, che chở tôi khi đôi cánh thiên thần của tôi vừa sụp gãy, giấc mơ dài bị tan vỡ. Chúng tôi trở nên vợ chồng 3 ngày sau khi mất nước, trong ngôi nhà nguyện nhỏ tại nhà thờ Dòng Chúa Cứu Thế ở đường Kỳ Đồng. Một đám cưới thật đơn sơ chạy tang cho đất nước. Chết chiu hạnh phúc trong cơn lốc đời.

Cho dù giờ đây cầu Trường Tiền được chiếu sáng đèn màu mỗi đêm, hình ảnh chiếc cầu gãy trong Tết Mậu Thân vẫn là một chứng tích mãi mãi tồn tại trong tim óc những người con Huế! Cho dù các ngôi mộ những nạn nhân trong biển cố Mậu Thân bị chính quyền mới bắt dời chỗ, thay đổi mộ bia trong cố gắng xóa đi những bằng chứng phạm tội diệt chủng, ở trong nước hay hải ngoại, trên khắp thế giới tự do, ngoài những kỵ giỗ vào mỗi dịp Tết hàng năm, con dân gốc người Huế chọn thêm ngày 23 tháng Năm Âm Lịch mỗi năm, nguyên thủy là ngày Kinh Đô Huế bị thất thủ vào tay quân ngoại xâm Pháp vào năm 1885, để tưởng nhớ và cầu siêu cho bao ngàn vong linh bị giết hại trong biển cố Mậu Thân.

Xin thấp những nén nhang cho bao anh hùng đã gục ngã vì bảo vệ chính nghĩa tự do của quốc gia Việt Nam. Cho bao đồng đội, chiến hữu đã nằm xuống vì Tự Do. Xin tưởng nhớ đến bao triệu sinh linh vô tội bị giết chết trong cuộc chiến và hàng trăm ngàn người bỏ xác trên các đường di tản, vượt biên, vượt biển. Xin dâng lời cầu nguyện cho một Mùa Xuân vĩnh cửu đến với Việt Nam trong Tự Do, Dân Chủ và Nhân Ái.

Bên bờ hồ Mission Viejo, CA. Tháng Giêng 2016.

*Vĩnh Chánh*

---

*Nguồn: Internet E-mail by An-tôn Huỳnh chuyển*

*Đăng ngày Chúa Nhật, December 18, 2016  
Ban Kỹ Thuật Khóa 10A-72/SQTB/ĐĐ, ĐĐ11/TĐIND, QLVNCH*